

Số: 104/2025/QĐST-HNGĐ

T1 Quang, ngày 24 tháng 10 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 97/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Chương Thị T; CCCD: 002197004919;

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn T1; CCCD: 002098004134;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh T1 Quang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Chương Thị T và anh Hoàng Văn T1; cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh T1 Quang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Chương Thị T và anh Hoàng Văn T1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T1 là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Thị L (Chương Thị L), sinh ngày 23/8/2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Chị T cấp dưỡng nuôi cháu L theo mức 1.500.000đ/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/10/2025 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, anh T1 là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng. Chị T có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Tài sản chung, công nợ chung: Không có

- Án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn 150.000đ và án phí cấp dưỡng 150.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0000637 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh T1 Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV 4 - T1 Quang;
- THADS tỉnh T1 Quang;
- UBND xã H, T.T1 Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Bình